TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2019/DS-PT**
Ngày 26 tháng 3 năm 2019
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Sỹ;

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu;

Ông Nguyễn Công Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai*:* Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14 và 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về "tranh chấp quyền sử dụng đất";

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2019/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 59/2019/QĐPT-DS ngày 14/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Số 71, Tổ 46, Ấp 11, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1960 (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2019).

Địa chỉ: Số 71, Tổ 6, Ấp 11, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn P, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Số 469/3, Tổ 3, Ấp 1, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Phạm Thị V, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Số 469/3, Tổ 3, Ấp 1, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai;

3.2 Anh Dương Trung T, sinh năm: 1987;

3.3 Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1988;

Cùng địa chỉ: Tổ 3, Ấp 1, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai;

3.4 Cháu Dương Thiên B, sinh ngày 08/9/2013

Địa chỉ: Số 469/3, Tổ 3, Ấp 1, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo pháp luật của cháu B: Anh Dương Trung T, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988; địa chỉ: Địa chỉ: Số 469/3, Tổ 3, Ấp 1, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo ủy quyền của ông P, anh T và chị P: Bà Phạm Thị V; sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 469/3, Tổ 3, Ấp 1, xã xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 12/3/2019).

4. **Người kháng cáo**: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V.

(Ông H, bà V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 11 năm 2016 của nguyên đơn chị Phạm Thị T và các lời khai tiếp theo tại tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Vào năm 2005, ông H nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Thoa diện tích đất 437m^2 thuộc một phần thửa số 1357, tờ bản đồ số 04 xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Giá chuyển nhượng là 168.000.000 đồng, việc mua bán có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay. Sau đó, đến ngày 20/05/2005 thì lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được UBND xã C công chứng. Thời điểm mua phần đất trên thì phần đất có tứ cận:

+ Phía Nam giáp đường hương lộ 10 có chiều ngang là 6m, giáp mương nước.

+ Phía Bắc giáp đất của ai thì ông H không biết, có chiều ngang 7m, ranh giới xác định là hàng râm bụt.

+ Phía Đông giáp phần đất còn lại của bà Nguyễn Thị T có chiều dài khoảng 62m.

+ Phía Tây giáp đất của ông Dương Văn P có chiều dài khoảng 62 m, ranh giới phân định, phía đầu ranh đất giáp với hương lộ 10 có 01 gốc râm bụt, phía cuối ranh đất cũng có gốc râm bụt. Dọc theo hàng ranh là hàng gốc cây xoan do ông Thu (là người chủ đất đầu tiên) trồng. Hiện nay, ở phần cuối đất còn 2, 3 gốc xoan, còn ở phần giữa thì khi xây nhà ông P đã đào gốc xoan lên bỏ sang phần đất của ông H.

Nguồn gốc phần đất mà ông H đã nhận chuyển nhượng từ bà T thì theo ông H được biết là của ông Nguyễn Ngọc T. Sau đó, ông T bán cho ông Tr, ông Tr bán cho bà T và đến năm 2005, bà T bán cho ông H một phần.

Khi ông H nhận chuyển nhượng thì chỉ có đo đầu trên và đầu dưới chứ không đo ở giữa đất. Sau khi mua đất được khoảng mấy tháng, ông H có đem trụ bê tông cắm phân định ranh giới đất giữa đất của ông H và gia đình ông P, bà V. Khi ông H T hành cắm mốc thì có mời ông P chứng kiến để xác định ranh giới đất và ông P cũng đồng ý nên ông H có cắm 01 trụ bê tông ở phía đầu ranh giáp với hương lộ 10 và một cột ở đầu ranh phía cuối đất. Tuy nhiên, khoảng một thời gian sau, khi ông H kiểm tra lại thì không thấy hai trụ bê tông nữa.

Khi chuyển nhượng đất cho ông H thì đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thoa. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H quản lý sử dụng đất và khoảng 01 tháng sau, ông H đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên. Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có T hành đo vẽ, phía bị đơn ông Dương Văn P có ký giáp ranh, thời điểm đó không có ai thắc mắc kH nại gì. Ngày 30/3/2006, ông H được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 508612, đứng tên ông Phạm Văn H và bà Ngô Thị T, diện tích 437 m^2 thuộc thửa số 1531, tờ bản đồ số 04 xã C.

Đến năm 2010, ông H và bà T làm thủ tục tặng cho con là chị Phạm Thị T diện tích đất trên và đến ngày 09/11/2010, chị T được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 336613. Do một phần đất nằm trong phạm vi mở rộng lộ giới nên diện tích đất chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 331m^2 thuộc thửa số 1531, tờ bản đồ số 04 xã C.

Khoảng năm 2013, ông H đem tràm lên phần đất để trồng thì phát hiện phần ranh giới đất giáp với nhà ông Dương Văn P bị cong, không thẳng như thời điểm ông H mua của bà T nên ông H không trồng tràm nữa mà làm đơn khiếu

nại ra UBND xã C. Tại buổi hòa giải ở xã, vì tình cảm và hòa khí nên ông H có thỏa thuận với gia đình ông P, bà V là hai bên sẽ T hành căng dây thẳng từ đầu đất xuống cuối đất. Phần ông P, bà V lấn sang bao nhiêu thì ông P, bà V trả lại cho ông H và ông H sẽ thanh toán lại giá trị đất cho ông P, bà V. Tuy nhiên, ông P, bà V không đồng ý. Đến khoảng tháng 10/2016, ông H phát hiện ông P, bà V xây nhà cho con trai là anh Dương Trung T trên phần đất lấn của gia đình ông H. Ông H có đến thương lượng với ông P, bà V về việc trả lại phần đất trên nhưng ông P, bà V cho rằng phần đất trên là của gia đình ông P, bà V nên không đồng ý trả lại. Sau đó, đến tháng 11/2016, chị Phạm Thị T khởi kiện ra tòa.

Nay ông H xác định phần đất bị lấn chiếm đang do gia đình ông P và bà V đang sử dụng. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải trả lại cho chị T diện tích đất đã lấn chiếm là 56,2m^2 theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 10513/2017 ngày 23/08/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-Chi nhánh L. Đối với một phần căn nhà của anh Dương Trung T và chị Nguyễn Thị P đang sử dụng được xây trên phần đất tranh chấp thì ông H đề nghị tháo dỡ để trả lại phần đất cho chị T.

- Trong bản tự khai đề ngày 13 tháng 01 năm 2017 và các lời khai tiếp theo tại tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của bà Phạm Thị V là đại diện theo ủy quyền của bị đơn-ông Dương Văn P đồng thời là người có quyền, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của các người có quyền, nghĩa vụ liên quan-anh Dương Trung T, chị Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và ông Dương Văn P là vợ chồng. Có con trai là Dương Trung T và con dâu là Nguyễn Thị P.

Nguồn gốc diện tích đất mà gia đình bà đang sử dụng là nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Hồng L từ năm 1988, thuộc thửa 159, tờ bản đồ 04, xã C diện tích 1325m^2.

Bà V xác định, từ khi vợ chồng bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà L năm 1988 đến nay, thì phần ranh giới đất phân định giữa đất của gia đình bà với phần đất của chị Phạm Thị T (các chủ đất trước đó là ông Đ, ông Thu, ông T, bà T, ông H) được phân định bằng hàng cây râm bụt. Phần ranh giới đất từ khi gia đình bà mua của bà L thì đã có hình vòng cung, không thẳng. Từ thời điểm nhận chuyển nhượng đất của bà L đến nay, gia đình bà V cùng với các chủ đất cũ là ông Đ, ông Thu, ông T, bà T đều lấy hàng râm bụt đó làm ranh giới đất, không xê dịch gì, hiện nay hàng râm bụt vẫn còn. Việc ông H cho rằng khi nhận chuyển nhượng đất từ bà T thì phần ranh giới đất giữa gia đình bà V với gia đình bà T là thẳng và được phân định bằng hàng gốc cây xoan từ đầu ranh đến cuối ranh, bà V xác định lời khai này của ông H là không đúng. Thực tế, lúc

ông H mua đất của bà Thoa thì phần đất đã cong sẵn và chỉ có hàng râm bụt làm ranh giới và có khoảng 02 – 03 gốc cây xoan ở phía cuối ranh đất. Sau khi ông H mua đất, ông H tiến hành trồng mỳ bình thường và không có tranh chấp ý kiến gì. Đến khoảng năm 2011, thì ông H khiếu nại vợ chồng bà V ra xã C, tại buổi hòa giải, ông H yêu cầu vợ chồng bà trả lại phần đất ở giữa có chiều ngang khoảng 1.2 m. Tuy nhiên, vợ chồng bà V không đồng ý. Sau đó thì ông H nói là để thỏa thuận mua lại nhưng vợ chồng bà V không đồng ý bán. Đến ngày 28/10/2016, ông H có đến nhà bà V nói là khi ông H mua đất của bà Thoa do đất rậm rạp nên ông không để ý là đất ở giữa bị cong. Ông H đề nghị kéo thẳng lại ranh đất và ông sẽ mua lại phần đất bị cong đó nhưng vợ chồng bà V không đồng ý bán. Sau đó, gia đình bà V nhận được thông báo thụ lý của Tòa án về việc chị Phạm Thị T tranh chấp tại Tòa án nhân dân huyện L.

Nay chị T khởi kiện, yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Dương Văn P trả lại diện tích đất là 56.2m^2 theo bản vẽ số 10513/2017 ngày 23/08/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh L và yêu cầu anh Dương Trung T, chị Nguyễn Thị P tháo dỡ phần nhà xây trên phần đất tranh chấp thì bà không đồng ý bởi vì bà xác định phần đất đang tranh chấp là của gia đình bà sử dụng ổn định từ trước đến nay, không lấn chiếm đất của ai.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2018/DS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

Xử buộc ông Dương Văn P và bà Phạm Thị V phải có trách nhiệm trả lại cho chị Phạm Thị T quyền sử dụng đất diện tích 27.4 m^2 được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, A, 5, 7, 8, A, 2, 9, 1) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 10513/2017 ngày 23/08/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-Chi nhánh L và thanh toán chị Phạm Thị T số tiền giá trị tương đượng quyền sử dụng đất diện tích 25.5m^2 là 36.465.000 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Giao cho ông Dương Văn P và bà Phạm Thị V tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 25.5m^2 được giới hạn bởi các mốc (2, A, 8, 9, 2) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 10513/2017 ngày 23/08/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh L.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 05/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai trình bày quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ kết quả đo vẽ hiện trạng và trích lục bản đồ địa chính, do nguyên đơn và bị đơn chỉ và đồng ý, xét yêu cầu của chị T là có căn cứ chấp nhận.

Thứ nhất: 52,9m^2 đất tranh chấp hiện nằm trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T vào năm 2010, trước đó là cấp cho bà Thoa năm 2004.

Thứ hai: Ông P, bà V và bà Thoa cho rằng ranh giới thửa 1531 của chị T và thửa 159 của ông P là hàng râm bụt cong, nhưng bà Lánh là người trồng hàng râm bụt đó lại không khai là cong hay thẳng.

Thứ ba: Theo trích lục bản đồ địa chính năm 1999 là bản đồ cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, bà V thể hiện đường ranh là đường thẳng chứ không phải là đường cong. Bản trích lục và biên vẽ thửa đất số 7656 ngày 06/10/2010 dùng làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà T cũng thể hiện đường ranh là đường thẳng chứ không phải là đường cong. Cấp sơ thẩm giải quyết đúng pháp luật, bà V kháng cáo cho rằng 56,2m^2 đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tuyên tọa độ của diện tích đất chưa chính xác, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên tọa độ diện tích đất: Buộc ông P và bà V phải có trách nhiệm trả lại cho chị T quyền sử dụng đất 27,4m^2 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,A,2,9,1). Giao cho ông P và bà V tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 25,5m^2 được giới hạn bởi các mốc (2,A,5,7,8,9,2) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 10513/2017 ngày 23/08/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị V làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà V cung cấp đơn xác nhận với nội dung: sau khi xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá, bà có xây thêm cổng và hàng rào phần đất phía trước nhà.

[2] Về nội dung:

Bà V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, không đúng sự thật, kèm theo đơn kháng cáo là đơn xác nhận của bà Nguyễn Thị T ghi ngày 18/01/2017.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà V, Hội đồng xét xử thấy:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Bà V cho rằng, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà L năm 1988, thuộc thửa 159, tờ bản đồ số 02 xã C, thì phần ranh giới đất phân định giữa đất của gia đình bà với phần đất của chị Phạm Thị T (các chủ đất trước đó là ông Đ, ông T, ông Tr, bà T, ông H) được phân định bằng hàng cây râm bụt. Phần ranh giới đất từ khi gia đình bà chuyển nhượng của bà L đã có hình vòng cung, không thẳng, hàng râm bụt làm ranh giới đất không xê dịch, hiện nay hàng râm bụt vẫn còn.

Tòa án cấp sơ thẩm T hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Hồng L (BL 104), bà L khai nhận: Bà chuyển nhượng đất cho ông P bà V vào năm 1988, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, diện tích bà không nhớ, nhưng có chiều ngang là 19m đã trừ đường đi, chiều dài khoảng 60m. Phần ranh đất phía đông tiếp giáp đất bà T (nay tiếp giáp đất chị T) ranh giới đất là hàng cây râm bụt và phía cuối đất có vài cây xoan đều do bà trồng. Phần đất bà Tám sử dụng phía trước giáp đường thì hẹp hơn so với phía sau.

Như vậy, qua lời khai của bà L, không thể hiện ranh giới đất tiếp giáp với ranh đất của chị T hiện nay là hình vòng cung như bà V khai. Lời khai của bà Lánh phù hợp với ranh bản đồ đia chính thành lập năm 1999 (Theo bản đồ hiện trạng thửa đất BL 94).

Bà T khai nhận: Vào năm 2005, bà chuyển nhượng cho vợ chồng ông H một mảnh đất có hàng râm bụt phía ngoài giáp hương lộ 10 là 6m, phần giữa miếng đất đường ranh cong, mảnh đất bị lõm ở phần giữa, phần đuôi đất là 6m,

bà cho ông H thêm 1m là 7m. Đơn xác nhận ngày 18/01/2017 của bà T mâu thuẫn với các tài liệu thu thập được có tại hồ sơ như:

Bà T và bà V cho rằng hàng râm bụt làm ranh hiện nay vẫn còn, nhưng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2017, thể hiện trên phần đất tranh chấp có 01 phần căn nhà cấp 04, ngoài ra không có công trình hay tài sản gì khác.

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Phòng Tài nguyên Môi trường huyện L lập ngày 03/8/2005 (BL 114) thể hiện: Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H thì bà T yêu cầu Trích đo bản đồ địa chính khu đất và các bên nhận chuyển nhượng chỉ ranh giới đất. Qua đó, hình thể thửa đất 1531 tiếp giáp thửa 159 là đường thẳng, không cong hay lõm như lời trình bày của bà T.

Cạnh đó, Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Phòng Tài nguyên Môi trường huyện L lập ngày 03/8/2005, phù hợp về hình thể thửa đất và ranh đất tiếp giáp của thửa 159 và thửa 1351 theo bản đồ địa chính lập năm 1999 với Bản đồ hiện trạng thửa đất lập ngày 23/8/2017 (BL 94) do Văn phòng đăng ký đất đai- Chi nhánh L đo vẽ và chồng ghép.

Như vậy, lời trình bày của bà V, lời làm chứng của bà T là không có căn cứ, không phù hợp tài liệu đã thu thập cũng như hiện trạng phần đất tranh chấp.

Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, khi tuyên buộc ông P và bà V trả lại cho chị T quyền sử dụng đất có diện tích 27,4m^2, cũng như phần tuyên giao cho ông P và bà V tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 25,5m^2 đã xác định sai vị trí các mốc giới. Do đó, cần sửa phần các mốc giới cho chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H trình bày bà V và ông P xây thêm phần cổng rào sau khi xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá nhưng trước khi xét xử sơ thẩm. Nhận thấy ông H không kháng cáo, phần đất bà V ông P xây dựng cổng rào là phần đất cấp sơ thẩm tuyên ông P và bà V phải trả giá trị đất cho ông H, nên không ảnh hưởng quyền lợi của ông H nên không đặt ra xem xét.

Bà V kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị V, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên các mốc giới.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 .

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

Xử buộc ông Dương Văn P và bà Phạm Thị V phải có trách nhiệm trả lại cho chị Phạm Thị T quyền sử dụng đất diện tích 27.4 m^2 được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, A, 2, 9, 1) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 10513/2017 ngày 23/08/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh L và thanh toán cho chị Phạm Thị T số tiền giá trị tương đương quyền sử dụng đất diện tích 25.5m^2 là 36.465.000 đồng (ba mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Giao cho ông Dương Văn P và bà Phạm Thị V tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 25.5m^2 được giới hạn bởi các mốc (2, A, 5,7, 8, 9, 2) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 10513/2017 ngày 23/08/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh L.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí:

Ông Dương Văn P và bà Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.782.350đ (Ba triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm năm mươi đồng).

Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 235.950đ (hai trăm ba mươi lăm ngàn, chín trăm năm mươi đồng), nhưng được khấu trừ vào 250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 009352 ngày 08/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả cho chị Phạm Thị T 14.050 đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông Dương Văn P và bà Phạm Thị V phải chịu 6.500.000đ (sáu triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền chi phí tố tụng. Do số tiền này

chị Phạm Thị T đã nộp nên ông Dương Văn P và bà Phạm Thị V có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Phạm Thị T.

Bà Phạm Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà V 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp tại biên lai thu số 006881 ngày 06/11/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Sỹ